

# MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA CỘNG HÒA THỔ NHĨ KỲ

*Trần Thùy Phương\**

## **1. Sơ lược lịch sử phát triển kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn 1919 - 2000**

Lịch sử kinh tế của Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ từ năm 1919 cho đến những năm 2000 có thể chia thành một số giai đoạn cụ thể như sau:

*Từ năm 1919 đến năm 1945:* Dưới thời Mustafa Kemal Atatürk<sup>1</sup>, nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ đã có một số tiến bộ, chuyển từ nền kinh tế dựa nhiều vào nhà nước sang một nền kinh tế hỗn hợp. Trong giai đoạn kể từ khi đế quốc Ottoman sụp đổ, tiếp đó là thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất cho đến khi khai sinh nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ<sup>2</sup>, kinh tế nước này được đánh giá là chậm phát triển, kỹ thuật canh tác nông nghiệp lạc hậu, chăn nuôi chất lượng thấp, công nghiệp yếu kém, chỉ có một số nhà máy sản xuất rất ít các sản phẩm thiết yếu như đường, bột mỳ... do người nước ngoài làm chủ. Đến giai đoạn năm 1923-1926, kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ phần nào hồi phục, nông nghiệp tăng trưởng 87%, sản lượng nông nghiệp đã đạt đến mức như trước khi có chiến tranh. Công nghiệp và dịch vụ tăng trưởng hơn 9% trong giai đoạn 1923-1929, tuy nhiên tỷ trọng của hai khu vực này trong nền kinh tế vẫn còn thấp. Đến năm 1930, do kinh tế thế giới suy thoái, thị trường nước ngoài chuyên nhập khẩu nông sản của Thổ Nhĩ Kỳ sụp đổ, khiến thu nhập quốc dân giảm mạnh. Bắt đầu từ những năm 1930, chính phủ từng bước thực hiện các

chính sách khôi phục nền kinh tế, nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của Thổ Nhĩ Kỳ thấp, ngoại trừ từ năm 1935-1939 tốc độ tăng trưởng GDP đạt trung bình khoảng 6%/năm. Đến thập niên 1940s, kinh tế tiếp tục đình đốn do chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ phải duy trì ngân sách phục vụ quốc phòng trong Chiến tranh thế giới thứ II<sup>3</sup>.

*Giai đoạn 1950- 1979:* Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ bắt ổn trong thời gian khá dài khoảng một thập niên, trầm trọng nhất là vào cuối những năm 1970. Để khắc phục tình trạng đó, Thổ Nhĩ Kỳ đã tiến hành phá giá đồng Lira và thực hiện chương trình “thắt lưng buộc bụng” theo hướng dẫn của IMF để giảm thiểu nhập khẩu phục vụ tiêu dùng. Những chính sách này đã có tác dụng tốt giúp Thổ Nhĩ Kỳ có thể tiếp tục vay vốn từ các định chế tài chính quốc tế nhằm phát triển kinh tế. Với những nỗ lực ấy, mặc dù bị ảnh hưởng bởi hai cuộc can thiệp quân sự năm 1960 và năm 1971 song nền kinh tế chỉ gặp khó khăn tạm thời; sau đó, chính phủ lại lập tức thi hành các chính sách tiết kiệm, giúp nền kinh tế “phục hồi” Tuy nhiên, vì thiếu các chính sách cải cách cơ cấu phù hợp, Thổ Nhĩ Kỳ đã lâm vào tình trạng thâm hụt ngân sách nặng nề, nợ nước ngoài vì thế cũng tăng lên nhanh chóng, năm 1980 là 16,2 tỷ USD, thậm chí chiếm 1/3 tổng GDP hàng năm. Cho đến cuối những năm 1970, nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ rơi vào một cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất kể từ khi đế quốc

\* Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

Ottoman sụp đổ. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã không thực thi được những chính sách phù hợp để đương đầu với việc giá dầu mỏ tăng quá cao trong năm 1973-1974, do đó phải vay nợ ngắn hạn của nước ngoài, thâm hụt ngân sách tiếp tục tăng lên. Đến năm 1979, lạm phát ở Thổ Nhĩ Kỳ đã đạt đến mức ba con số, thất nghiệp khoảng 15%, công nghiệp chỉ thực hiện được ½ mục tiêu đề ra, chính phủ không có khả năng trả lãi cho các khoản vay nước ngoài. Do đó, các nhà khoa học trong nước cũng như nước ngoài đều cho rằng Thổ Nhĩ Kỳ phải tiến hành cải cách kinh tế.

*Trong thập kỷ 1980 (còn gọi là giai đoạn cải cách của Turgut Özal):* Tháng 1 năm 1980, chính phủ của thủ tướng Süleyman Demirel<sup>4</sup>, đã tiến hành một chương trình cải cách dài hạn do phó thủ tướng Turgut Özal nghiên cứu và xây dựng, với chiến lược thay thế nhập khẩu, hướng vào xuất khẩu, tạo cơ hội đưa Thổ Nhĩ Kỳ vươn lên phục hồi nền kinh tế thời hậu chiến, tạo đà để tăng trưởng nhanh và giảm lạm phát. Để thực hiện chiến lược đó, chính phủ cho thực hiện một loạt các chính sách gồm: phá giá đồng Lira, áp dụng chính sách tỷ giá linh hoạt, thay đổi chính sách lãi suất, quản lý chặt chẽ nguồn cung tiền và tín dụng, xóa bỏ trợ cấp và tự do hóa giá cả cho các công ty nhà nước, cải cách hệ thống thuế và khuyến khích đầu tư nước ngoài... Tuy nhiên, khi các chính sách cải cách đang được thực hiện khá hiệu quả thì tháng 7 năm 1982, ông Özal thôi giữ chức vụ phó thủ tướng, vì vậy các chương trình cải cách do ông trực tiếp chỉ đạo đã phải dừng lại. Đến tháng 11 năm 1983, khi Özal đảm đương chức vụ mới là thủ tướng Thổ Nhĩ Kỳ, ông đã tiếp tục thực hiện cải cách, mở rộng chương trình tự do hóa còn dang dở trước đây, bao gồm nhiều hoạt động như cải thiện cán cân thanh toán quốc tế, tăng năng lực tài chính để tăng khả năng vay

nợ trên các thị trường quốc tế, cải thiện tốc độ tăng trưởng kinh tế. Xuất khẩu hàng hóa do đó tăng từ 2,3 tỷ USD năm 1979 lên 8,3 tỷ USD năm 1985. Tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa cùng kỳ cũng tăng từ 4,8 tỷ USD lên 11,2 tỷ USD, cán cân thanh toán quốc tế phần nào được thu hẹp song mức nhập siêu vẫn còn duy trì khoảng 2,5 tỷ USD. Tiếp đó, lĩnh vực dịch vụ cũng thu được những kết quả khả quan, từ con số 200 triệu USD năm 1979 đã tăng lên nhanh chóng đạt 1,4 tỷ USD năm 1985. Nguyên nhân của mức tăng trong lĩnh vực dịch vụ là do lợi nhuận từ hoạt động du lịch và mức phí thu từ Iraq trả cho việc vận chuyển dầu mỏ qua đường ống dẫn dầu của Thổ Nhĩ Kỳ. Đầu tư nước ngoài vốn bị đình trệ từ những năm 1970 nay lại bắt đầu tăng trưởng, tuy rằng mới ở mức khiêm tốn trong những năm 1980. Vị thế của Thổ Nhĩ Kỳ lúc này được cải thiện đáng kể.

*Trong thập kỷ 1990:* Thổ Nhĩ Kỳ đã bắt đầu đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng từ cuối những năm 1980 sang đầu những năm 1990. Đây cũng là giai đoạn xảy ra cuộc chiến tranh Iran – Iraq, kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ được hưởng lợi rất nhiều từ cuộc chiến tranh này. Thổ Nhĩ Kỳ là đối tác thương mại của cả Iran và Iraq, do đó vẫn cung cấp hàng hóa cho cả hai quốc gia trên; thứ hai, do năng lực có hạn nên Iraq vẫn phải phụ thuộc nhiều vào Thổ Nhĩ Kỳ trong việc xuất khẩu dầu mỏ từ vịnh Persian ra nước ngoài thông qua hệ thống đường ống dẫn dầu của Thổ Nhĩ Kỳ, từ tỉnh Kirkuk ở phía bắc Iraq đến cảng biển Yumurtalik của Thổ Nhĩ Kỳ ở Địa Trung Hải, phía tây nam İskenderun. Tuy nhiên đến năm 1991, kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ bị đình trệ, do Liên hiệp quốc cấm vận Iraq không cho xuất khẩu dầu mỏ, Thổ Nhĩ Kỳ vì thế mất đi nguồn thu lớn từ chi phí vận chuyển qua hệ thống đường ống

Kirkuk Yumurtalik. Thêm vào đó, thương mại với Iraq cũng bị đình đốn, Thổ Nhĩ Kỳ mất khoản thu khoảng 3 tỷ USD. Đến cuối năm 1992 kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ phục hồi, sau đó đến năm 1994 lại tiếp tục lâm vào suy thoái. Ngày 5 tháng 4 năm 1994, Thổ Nhĩ Kỳ kêu gọi “gói hỗ trợ” của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), với trị giá 740 triệu USD, bắt đầu được thực hiện vào tháng 7 năm 1994, với các hoạt động bao gồm tăng giá trị cho các công ty nhà nước để đảm nhận các nhiệm vụ công cộng, giảm chi tiêu ngân sách, cam kết tăng thuế và tư nhân hóa các công ty kinh tế nhà nước (SEEs). Với

những hoạt động như vậy, tốc độ tăng GDP cả năm 1994 đã tăng lên đạt 5%.

## 2. Thực trạng phát triển kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ từ năm 2000 đến nay

Chính phủ Ecevit nắm quyền từ năm 1999 tới 2002 đã tái khởi động các chương trình cải cách cơ cấu cùng lúc với các chương trình cải cách kinh tế đang thực hiện theo thỏa thuận ký kết với IMF, gồm: cải cách an sinh xã hội, cải cách tài chính công cộng, cải cách lĩnh vực ngân hàng, tăng tính minh bạch của lĩnh vực công cộng, tự do hóa thông tin và năng lượng. Theo chương trình của IMF, chính phủ cũng sử dụng nhiều biện pháp khác nhau để kiềm chế lạm phát.

**Bảng 1: Các chính sách của Chương trình cải cách năm 2001**

| Lĩnh vực/Chính sách            | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                |
|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chính sách tài chính           | Ban hành Luật Quản lý và Điều tiết tài chính công, tập trung cân đối ngân sách.                                                                                                                                                         |
| Chính sách tiền tệ             | Tăng tính độc lập cho Ngân hàng Trung ương, mục tiêu là ổn định giá cả, giảm lạm phát (mục tiêu là năm 2006)                                                                                                                            |
| Chính sách thuế                | Giảm thuế thu nhập cá nhân và thu nhập doanh nghiệp.                                                                                                                                                                                    |
| Chính sách lao động            | Tăng tính linh hoạt cho Luật Lao động, tăng mức bảo đảm việc làm tối thiểu của doanh nghiệp từ 10 lên 30 công nhân.                                                                                                                     |
| Quy định ngân hàng             | Ngân hàng công chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động cơ bản của chính phủ từ ngân sách.<br>Ngân hàng công được tái cơ cấu theo luật Basel.<br>Cho vay trong nội bộ nhóm ngân hàng.                                                   |
| Thị trường tài chính           | Củng cố khung pháp lý, ban hành nguyên tắc mới cho thị trường.                                                                                                                                                                          |
| Đầu tư trực tiếp nước ngoài    | Ban hành Luật Đầu tư nước ngoài mới vào năm 2003, đảm bảo quyền lợi cho các công ty nước ngoài.                                                                                                                                         |
| Cơ sở hạ tầng                  | Ban hành quy định mới về điện, gas, viễn thông mang tính cạnh tranh ngang với các quy định của EU.<br>Cho phép các máy bay vận tải lớn được khai thác trên thị trường nội địa và quốc tế.                                               |
| Chính sách nông nghiệp         | Giảm dần hoạt động trợ giá cho nông sản có thể bóp méo giá thị trường, thay bằng hỗ trợ thu nhập trực tiếp cho nông dân.<br>Giảm dần hoạt động của quỹ hỗ trợ nông nghiệp của chính phủ.<br>Ban hành Luật nông nghiệp mới vào năm 2006. |
| Hòa nhập với Liên minh Châu Âu | Đơn giản hóa thủ tục hải quan.<br>Ban hành quy định quyền sở hữu trí tuệ về kiểu dáng công nghiệp.<br>Hợp nhất quy định về an sinh xã hội, cải thiện và ổn định hệ thống lương và chăm sóc sức khỏe.                                    |

Nguồn: Khảo sát kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ do OECD thực hiện năm 2006

Năm 2002 và năm 2003, chương trình cải cách bước đầu đem lại kết quả, lạm phát và tỷ lệ lãi suất đã giảm nhiều, kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ đạt mức tăng trưởng bình quân 7,5%/năm trong giai đoạn 2002 - 2005, đây là một trong những tỷ lệ tăng trưởng cao trên thế giới, có thể sánh với Trung Quốc và Ấn Độ. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ vẫn tiếp tục thực hiện chương trình cải cách kinh tế thích hợp.

#### *a. Các chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản*

Nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ đang trong quá trình thực hiện cải cách cơ cấu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, tiếp tục đẩy nhanh quá trình tư nhân hoá nhằm đạt được sự tăng trưởng bền vững. Thực hiện cải cách kinh tế gắn liền với tiến trình đàm phán gia nhập liên minh Châu Âu, tạo thuận lợi cho hội nhập vào kinh tế EU. Có thể thấy là hầu hết các chỉ số kinh tế vĩ mô đều được cải thiện nhiều kể từ năm 2002. *Tốc độ tăng trưởng GDP* năm 2005 là 8,4%; năm 2010 là 8,9%, năm 2011 là 8,5%, quý I năm 2012 là 3,2%. Tổng GDP năm 2010 đạt 736 tỷ USD - tăng hơn 3 lần so với con số 231 tỷ USD của năm 2002, năm 2011 đạt 778 tỷ USD. GDP bình quân đầu người theo PPP năm 2011 là 14.700 USD, năm 2010 là 13.700 USD - cao hơn gần bốn lần so với con số 3.500 USD của năm 2002<sup>6</sup>. Sau nhiều năm *lạm phát* rất cao, kể từ năm 2003 đã được kiểm chế ở mức một con số. Thổ Nhĩ Kỳ tiến hành đổi tiền ngày 1 tháng 1 năm 2005, đồng Lira của Thổ Nhĩ Kỳ cũ được thay thế bằng đồng Lira Thổ Nhĩ Kỳ mới, với tỷ giá trao đổi 1 Lira mới bằng 1.000.000 Lira cũ. Đồng Lira Thổ Nhĩ Kỳ những năm gần đây ổn định, giúp thúc đẩy trao đổi thương mại và đầu tư. Theo số liệu thống kê của Thổ Nhĩ Kỳ, *lạm phát* năm 2005 là 7,7%; năm 2010 là 6,4% - giảm rất mạnh so với con số 30% của năm 2002, *lạm phát* quý 1 năm 2011 là 3,99%. Năm 2010, mức *thâm hụt tài khoản vãng lai* là

39,3 tỷ USD, tương đương 5,4% GDP; *thâm hụt ngân sách* là 31 tỷ USD, chiếm 4% GDP; các khoản thu từ việc bán các tài sản và công ty thuộc sở hữu nhà nước cho tư nhân đạt 2,73 tỷ USD; *kiều hối chuyển về nước* là 960 triệu USD.

Số liệu công bố ngày 2 tháng 7 năm 2012 của Viện Thống kê Trung ương Thổ Nhĩ Kỳ cho thấy, *thâm hụt cán cân thanh toán vãng lai* trong 4 tháng đầu năm 2012 đạt 21 tỷ USD, giảm mạnh so với mức 30 tỷ USD cùng kỳ năm 2011, *lạm phát* tháng 5 năm 2012 là 8,2% so với mức 11,1% tháng 4 năm 2012 do tác động tích cực của việc giảm giá dầu và một số hàng tiêu dùng lâu bền.

#### *b. Về cơ cấu kinh tế*

Nền kinh tế năng động của Thổ Nhĩ Kỳ là sự kết hợp giữa công nghiệp và dịch vụ hiện đại với nông nghiệp truyền thống. Các ngành công nghiệp chủ chốt gồm dệt may, chế biến thực phẩm, sản xuất ô tô, chế tạo điện tử, công nghiệp khai thác khoáng sản gồm than, đồng, cromat, bo, sản xuất thép, sản xuất xăng dầu, xây dựng, công nghiệp gỗ, giấy. Theo số liệu thống kê của Thổ Nhĩ Kỳ, lực lượng lao động của Thổ Nhĩ Kỳ năm 2009 là 24,74 triệu người, trong đó lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm 29,5%; công nghiệp chiếm 24,7%; dịch vụ chiếm 45,8%. Năm 2009, ngành nông nghiệp đóng góp 2,7% và ngành công nghiệp đóng góp 95% vào tổng kim ngạch xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ. Cơ cấu các ngành trong GDP năm 2010 như sau: nông nghiệp chiếm 8,8%; công nghiệp chiếm 25,7%, dịch vụ chiếm 65,5%, vào năm 2011 cơ cấu kinh tế tương ứng là 9,3%, 28,1%, 62,6% GDP.

*Ngành nông nghiệp:* Tỷ trọng nông nghiệp trong tổng GDP của Thổ Nhĩ Kỳ giảm dần từ 35% năm 1980 xuống còn 7% năm 2007, năm 2011 là 9,3%, mặc dù vậy

Thổ Nhĩ Kỳ vẫn đủ đảm bảo lương thực và còn để xuất khẩu. Thổ Nhĩ Kỳ là nhà sản xuất và xuất khẩu nông sản lớn nhất phục vụ thị trường Đông Âu, Cận Đông và Bắc Phi. Cụ thể, các ngành trong nông nghiệp của Thổ Nhĩ Kỳ gồm: +) *Ngành trồng trọt*: Các sản phẩm nông nghiệp chính của Thổ Nhĩ Kỳ gồm thuốc lá, bông, đường, hạt dẻ, lúa mì, lúa mạch, oliu và cây cam chanh. Kể từ những năm 1980, Thổ Nhĩ Kỳ đã có thể tự túc được lương thực mặc dù tỷ trọng sản xuất nông nghiệp trong GDP giảm dần. +) *Trong lĩnh vực chăn nuôi*: Mặc dù không được cải thiện nhiều so với các năm trước tuy nhiên sản lượng gia súc, bao gồm cả thịt, sữa, len và trứng cũng đóng góp đến hơn 1/3 tổng sản lượng đầu ra của sản xuất nông nghiệp. Ngành nuôi trồng thủy sản, đánh cá cũng đóng góp một phần quan trọng trong sản xuất nông nghiệp của Thổ Nhĩ Kỳ.

- *Ngành công nghiệp*: Các mặt hàng công nghiệp chính gồm chế tạo máy, điện tử, chế biến thức ăn, dệt may, cơ khí, hóa chất và xăng dầu. Các lĩnh vực công nghiệp cụ thể của Thổ Nhĩ Kỳ như sau: +) *Công nghiệp dệt may*: Dệt may là một trong những ngành kinh tế quan trọng nhất của Thổ Nhĩ Kỳ. Năm 2010, ngành công nghiệp này chiếm 10% GDP, giá trị xuất khẩu sản phẩm may mặc đạt 12,3 tỷ USD, chiếm 18,6% giá trị kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng của Thổ Nhĩ Kỳ. Thổ Nhĩ Kỳ là một trong những nhà cung cấp chính trên thị trường may mặc thế giới, chiếm 3,7% thị phần thị trường may mặc thế giới, giữ vị trí nhà cung cấp lớn thứ năm thế giới và nhà cung cấp lớn thứ hai đối với thị trường EU. +) *Công nghiệp sản xuất đồ điện tử gia dụng*: Công nghiệp điện tử ở Thổ Nhĩ Kỳ bao gồm các phân ngành: thiết bị viễn thông, điện tử tiêu dùng, máy tính, điện tử công nghiệp quốc phòng, thiết bị điện tử công nghiệp chuyên dụng, linh kiện

điện tử... Theo số liệu của Hiệp hội Công nghiệp điện tử Thổ Nhĩ Kỳ (TESID), giá trị sản xuất của ngành công nghiệp điện tử đạt 9,5 tỷ USD năm 2009, trong đó điện tử tiêu dùng chiếm 34%, thiết bị viễn thông chiếm 19%. Thổ Nhĩ Kỳ nổi tiếng khắp Châu Âu với các nhãn hiệu hàng điện tử gia dụng và hàng tiêu dùng như BEKO, VESTEL. +) *Công nghiệp ô tô*: Thổ Nhĩ Kỳ nổi tiếng trong ngành công nghiệp sản xuất ô tô và thiết bị vận tải với các thương hiệu lớn như TEMSA, OTOKAR và BMC với các sản phẩm như xe buýt, xe tải<sup>7</sup>. Năm 2008, Thổ Nhĩ Kỳ sản xuất khoảng 1.147.110 tổng số phương tiện vận tải, xếp thứ sáu ở Châu Âu, xếp thứ 15 trên thế giới về sản xuất phương tiện vận tải cỡ lớn, với tổng giá trị xuất khẩu đạt 22,944 tỷ USD. +) *Công nghiệp đóng tàu*: Thổ Nhĩ Kỳ là một trong số những quốc gia đóng tàu đứng đầu thế giới, các công ty đóng tàu của Thổ Nhĩ Kỳ đứng thứ tư trên thế giới về số lượng sản xuất tàu thủy (sau Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản); đứng thứ tư thế giới về sản xuất số lượng du thuyền cỡ lớn. +) *Công nghiệp sản xuất vũ khí*: Thổ Nhĩ Kỳ có rất nhiều nhà máy sản xuất vũ khí hiện đại. Doanh số xuất khẩu vũ khí hàng năm của nước này rất cao, chẳng hạn năm 2009 đạt 832 triệu USD. Những nhà sản xuất vũ khí lớn của Thổ Nhĩ Kỳ có thể kể đến là MKEK, TAI (Tập đoàn Công nghiệp Hàng không Thổ Nhĩ Kỳ<sup>8</sup>), ASELSAN, ROKETSAN, FNSS, OTOKAR, HAVELSAN. +) *Công nghiệp xây dựng*: Năm 2009, có 33 công ty xây dựng của Thổ Nhĩ Kỳ đã được nằm trong danh sách những công ty xây dựng quốc tế đứng đầu thế giới do tạp chí chuyên ngành xây dựng Engineering News - Record bình chọn. Hiện Thổ Nhĩ Kỳ được đánh giá là quốc gia có ngành công nghiệp phát triển đứng thứ hai trên thế giới, sau Trung Quốc. +) *Công nghiệp dầu mỏ*: Những năm trước, vì mức

độ sản xuất dầu mỏ và khí đốt không đủ khiến Thổ Nhĩ Kỳ trong một thời gian dài phải nhập khẩu dầu mỏ cho nhu cầu trong nước. Song đến nay, Thổ Nhĩ Kỳ là nhà sản xuất dầu mỏ và khí gas khá lớn trên thế giới, bởi những phát hiện gần đây về các giếng dầu ở ngoài khơi Biển Đen phía Bắc Anatolia, phía Đông Thrace, vịnh Iskenderun và một số tỉnh ở khu vực đông nam Anatolia gần biên giới với Iran và Syria, đã khiến Thổ Nhĩ Kỳ nâng cao năng lực khai thác và chủ động về nguồn năng lượng. Mạng lưới đường ống dẫn dầu và khí gas là một phần quan trọng trong ngành công nghiệp dầu mỏ của Thổ Nhĩ Kỳ<sup>9</sup>

- *Ngành dịch vụ*: Gồm nhiều lĩnh vực cụ thể như sau: +) *Dịch vụ vận tải*: Ngành dịch vụ hàng không của Thổ Nhĩ Kỳ phát triển rất nhanh chóng, với công ty Hàng không Thổ Nhĩ Kỳ (Turkish Airlines) đã giành được giải thưởng Hãng hàng không tốt nhất Châu Âu<sup>10</sup> và Hãng hàng không tốt nhất Nam Âu<sup>11</sup>. Về đường biển, đường bờ biển phục vụ vận tải biển của Thổ Nhĩ Kỳ khoảng 1.200 km. Tổng số đội tàu phục vụ dịch vụ vận tải đường biển của Thổ Nhĩ Kỳ tính đến năm 2010 là 1.199 chiếc, đứng thứ bảy trên thế giới. +) *Dịch vụ viễn thông*: Quá trình cách mạng hóa ngành viễn thông ở Thổ Nhĩ Kỳ được tiến hành vào năm 2004 sau khi thành lập Hiệp hội Viễn thông Quốc gia, và đến nay vẫn tiếp tục phát triển. Những công ty tư nhân sẽ đảm nhận nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ điện thoại di động, điện thoại đường dài và truy cập internet. +) *Dịch vụ du lịch*: Đây được đánh giá là một trong các lĩnh vực năng động và phát triển mạnh nhất Thổ Nhĩ Kỳ. Theo công ty du lịch của Đức TUI AG<sup>12</sup> và Thomas Cook, Thổ Nhĩ Kỳ có 13 trong tổng số 100 khách sạn tốt nhất thế giới. Qua một số năm xây dựng và phát triển ngành du lịch, đến nay Thổ Nhĩ Kỳ được coi là một điểm đến hấp dẫn ở Châu Âu, có sức cạnh

tranh ngang với Hy Lạp, Ý, Tây Ban Nha. Tổng nguồn thu từ du lịch của Thổ Nhĩ Kỳ năm 2002 là 8,5 tỷ USD, đến năm 2010 tăng lên đến 20 tỷ USD<sup>13</sup>. +) *Dịch vụ tài chính - ngân hàng*: Từ cuộc cải cách kinh tế năm 2001 cho đến nay, lĩnh vực kinh doanh ngân hàng ở Thổ Nhĩ Kỳ được đánh giá là phát triển mạnh mẽ và mở rộng với tốc độ nhanh nhất ở khu vực Đông Âu, Trung Đông và Trung Á. Trong một thập niên qua từ năm 2001, đồng Lira của Thổ Nhĩ Kỳ đã nâng cao giá trị đáng kể và tiếp tục giữ ổn định, một lần nữa trở thành đồng tiền quốc tế có khả năng trao đổi linh hoạt. Có khá nhiều chi nhánh của các ngân hàng quốc tế và một số ngân hàng Hồi giáo hiện đang hoạt động tốt ở quốc gia này.

#### c. Về hợp tác kinh tế quốc tế

Toàn bộ các hoạt động chính trị, kinh tế và an ninh của Thổ Nhĩ Kỳ có quan hệ chặt chẽ với phương Tây, tuy nhiên hiện nay chính quyền của Đảng Công lý và Phát triển (AKP) còn mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác với các quốc gia láng giềng khu vực Trung Á, châu Phi và Mỹ La Tinh. Thổ Nhĩ Kỳ gia nhập NATO năm 1952 và đảm nhiệm tư cách như một trụ cột ở phía đông của tổ chức này vì nằm trong khu vực Biển Đen, Biển Aege cũng như chung đường biên giới với Syria, Iraq và Iran. Thổ Nhĩ Kỳ là thành viên của Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (OECD<sup>14</sup>) từ năm 1961, là một thành viên trong các thành viên của G-20 vào năm 1999, Tổ chức An ninh và Hợp tác Châu Âu (OSCE<sup>15</sup>), Tổ chức Hội nghị Hồi giáo (OIC<sup>16</sup>). Thổ Nhĩ Kỳ cũng là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO<sup>17</sup>), đã ký hiệp định thương mại tự do với Hiệp hội Tự do Thương mại Châu Âu (EFTA), với Israel và nhiều nước khác. Ngoài ra, Thổ Nhĩ Kỳ và 10 quốc gia khác còn thành lập ủy ban Hợp tác Kinh tế Biển Đen (BSEC<sup>18</sup>) nhằm

tăng cường và mở rộng hợp tác thương mại của khu vực. Thổ Nhĩ Kỳ đang nỗ lực đàm phán để trở thành thành viên của Liên minh Châu Âu (EU).

- *Hoạt động đầu tư nước ngoài:* Về đầu tư ra nước ngoài, Thổ Nhĩ Kỳ là đối tác lớn nhất đầu tư nước ngoài vào khu vực Trung Âu, Đông Âu và Cộng đồng các Quốc gia Độc lập (CIS), với tổng số vốn đầu tư lên đến 1,5 tỷ USD năm 2005, trong đó 32% là đầu tư vào Nga, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực khai thác tài nguyên thiên nhiên và xây dựng, 46% là vào các nước láng giềng của Thổ Nhĩ Kỳ ở khu vực Biển Đen gồm Bulgaria và Romania. Các công ty của Thổ Nhĩ Kỳ cũng đầu tư một số vốn khá lớn vào Ba Lan, khoảng 100 triệu USD. Trong số các nhà đầu tư, các công ty xây dựng đóng vai trò chủ chốt, chẳng hạn công ty Enka, Tekfen, Gama và Üçgen İnşaat; tiếp đó là các nhóm công nghiệp như Anadolu Efes Group, Şişecam Group và Vestel Group.

Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, sau nhiều năm có mức đầu tư trực tiếp nước ngoài ở mức thấp, năm 2008 Thổ Nhĩ Kỳ đã thu hút được 18,3 tỷ USD, năm 2009 giảm còn 7,7 tỷ USD do kinh tế toàn cầu suy giảm. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thổ Nhĩ Kỳ năm 2010 đạt 8,889 tỷ USD. Luồng vốn đầu tư tập trung vào các ngành: điện, ga và cấp nước (2,04 tỷ USD); tài chính (1,575 tỷ USD); sản xuất (847 triệu USD); xây dựng (391 triệu USD), bất động sản (282 triệu USD); mỏ và khai khoáng (195 triệu USD); chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (145 triệu USD); sản xuất hóa chất (89 triệu USD); dệt (82 triệu USD). Các nước đầu tư lớn nhất tại Thổ Nhĩ Kỳ gồm: Liên minh châu Âu 4,762 tỷ USD trong đó: Đức 498 triệu USD, Pháp 589 triệu USD, Hà Lan 501 triệu USD và Anh 233 triệu USD. Trong khi dòng tiền rút khỏi các nền kinh tế lớn,

nhà đầu tư lại đổ tiền vào Thổ Nhĩ Kỳ - nền kinh tế phát triển nhanh nhất châu Âu. Theo số liệu của Bộ Kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ, đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2011 của Thổ Nhĩ Kỳ đạt 15,9 tỷ USD, tăng gần 76% so với năm 2010, do làn sóng mua bán và sáp nhập (M&A) tăng gấp 3 lần; năm 2011, tổng số vốn FDI tại Thổ Nhĩ Kỳ là 13,4 tỷ USD, tăng 77% so với năm 2010; trong 7 tháng đầu năm 2012, tổng vốn FDI đạt 1,687 tỷ USD với tổng số 113 dự án được cấp giấy phép<sup>19</sup>

Tăng trưởng FDI trong những năm gần đây của Thổ Nhĩ Kỳ ổn định là do một số nguyên nhân sau: *Một là*, chính phủ đã có những chính sách kinh tế phù hợp như chính sách tư nhân hóa, chính sách tái cơ cấu ngân hàng, hoàn thiện chính sách cho hệ thống phân phối thương mại, chính sách viễn thông... *Cụ thể* với chính sách tư nhân hóa, Ủy ban Tư nhân hóa Thổ Nhĩ Kỳ đang tiến hành tư nhân hóa rất nhiều công ty nhà nước, gồm cả công ty rượu, công ty thuốc lá và các công ty lọc hóa dầu. Năm 2004, Ủy ban này đã tư nhân hóa công ty điện thoại và một số ngân hàng thuộc sở hữu nhà nước. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cũng cam kết với Tổ chức Thương mại Thế giới về việc tự do hóa lĩnh vực viễn thông từ đầu năm 2004. Thổ Nhĩ Kỳ cũng tiến hành cải thiện môi trường đầu tư thông qua việc đơn giản hóa hành chính, hạn chế rào cản đầu tư, tăng cường pháp luật về sở hữu trí tuệ. *Hai là*, Thổ Nhĩ Kỳ đã ký một số hiệp định hỗ trợ đầu tư với một số đối tác quan trọng, chẳng hạn tham gia một số hiệp ước đầu tư và tránh đánh thuế hai lần với Mỹ, đảm bảo tự do di chuyển vốn bằng ngoại tệ mạnh và hạn chế đánh thuế hai lần; Thổ Nhĩ Kỳ đã ký hiệp định ưu đãi hải quan với Liên minh Châu Âu năm 1995 để tăng cường xuất khẩu hàng công nghiệp đồng thời thu hút FDI của EU vào trong nước. Ngoài ra, cải cách kinh tế và tư pháp và trở thành thành viên EU trong tương lai cũng được dự

kiến sẽ là động lực thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài. *Ba là*, với một số dự án đặc biệt là các dự án, khai thác và vận chuyển dầu mỏ và khí đốt, sẽ là lý do để nhiều nhà đầu tư quan tâm hơn đến Thổ Nhĩ Kỳ. Với trữ lượng dầu lửa 139 triệu tấn, sản lượng dầu khoảng 3 triệu tấn/năm song Thổ Nhĩ Kỳ phải nhập khẩu dầu thô, chiếm 10,5% tổng giá trị nhập khẩu. Tuy vậy, Thổ Nhĩ Kỳ đã thăm dò, khai thác và vận chuyển thành công dầu mỏ qua đường ống Baku Tbilisi Ceyhan vào tháng 5 năm 2006, dự tính số lượng dầu khai thác và vận chuyển sẽ lên đến 1.000.000 thùng/ngày. Ngoài ra, Thổ Nhĩ Kỳ cũng có một số dự án đường ống dẫn khí gas để trung chuyển khí gas từ Trung Á đến Châu Âu. Do đó, đây tiếp tục sẽ là lĩnh vực thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thổ Nhĩ Kỳ. *Bốn là*, khi khu vực Trung Đông có những bất ổn về chính trị, Thổ Nhĩ Kỳ trở thành điểm đến cho các nhà đầu tư Trung Đông muốn chuyển tiền ra bên ngoài nhằm tránh bất ổn từ phong trào Mùa xuân Arab, bởi nước này được đánh giá là một trong những thị trường mới nổi mạnh nhất với chính trị ổn định, tăng trưởng tài chính tốt, có khả năng chống chịu tốt nhất trước khủng hoảng tài chính toàn cầu. Ngoài ra, Thổ Nhĩ Kỳ còn hấp dẫn nhà đầu tư bởi lực lượng lao động trẻ, có năng lực, cơ sở hạ tầng hiện đại, thị trường nội địa lớn, nhiều hiệp định thương mại tự do, môi trường đầu tư tự do... Thổ Nhĩ Kỳ cũng khuyến khích lĩnh vực xuất khẩu bằng việc duy trì tính cạnh tranh của đồng Lira so với đồng Euro và các loại tiền tệ khác. Theo khảo sát chỉ số Russell toàn cầu tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2012, tỷ lệ lợi nhuận mà nhà đầu tư có thể thu về tại Thổ Nhĩ Kỳ là gần 35%.

*Hoạt động xuất nhập khẩu:* Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2005 là 73,5 tỷ USD, đến năm 2010 đạt 114 tỷ USD<sup>20</sup>. Mục tiêu của Thổ Nhĩ Kỳ là đạt kim ngạch

kim ngạch xuất khẩu năm 2013 là 200 tỷ USD, nâng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 450 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chính bao gồm rau, quả, hàng dệt may, đồ thủ công, thực phẩm, sắt, thép, thiết bị vận tải. Các mặt hàng nhập khẩu chính gồm máy móc, hóa chất, hàng bán thành phẩm, nhiên liệu, thiết bị vận tải. Về các mặt hàng xuất nhập khẩu cũng có sự thay đổi đáng kể trong hai thập niên vừa qua. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu khí ga tự nhiên trong tổng giá trị xuất khẩu giảm từ 74% năm 1980 xuống còn 30% năm 1990, chỉ còn 12% năm 2005. Song tỷ trọng của các sản phẩm công nghệ cao và công nghệ bậc trung đã tăng lên nhanh chóng, từ 5% năm 1980, lên 14% năm 1990, đạt 43% năm 2005 cho thấy tính bền vững trong chính sách phát triển sản xuất và xuất khẩu của nước này. Theo số liệu của Viện Thống kê Quốc gia Thổ Nhĩ Kỳ, trong tháng 1 năm 2012, kim ngạch xuất khẩu của nước này đạt 10,374 tỷ USD, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch nhập khẩu đạt 17,383 tỷ USD, tăng 2,8 tỷ USD<sup>21</sup>. Về đối tác, ưu tiên trong chính sách ngoại thương của Thổ Nhĩ Kỳ là phát triển quan hệ thương mại với EU, Mỹ và các nước Trung Đông, Trung Á. Năm 2009, đối tác xuất khẩu chính của Thổ Nhĩ Kỳ là Đức chiếm 9,6% kim ngạch xuất khẩu, Pháp 6,1%, Anh 5,8%, Ý 5,8%, Iraq 5%; các bạn hàng nhập khẩu chính gồm Nga chiếm 14% kim ngạch nhập khẩu, Đức 10%, Trung Quốc 9%, Mỹ 6,1%, Ý 5,4%, Pháp 5%. Trong tháng 1 năm 2012, kim ngạch xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ sang EU đạt 4,512 tỷ USD, giảm 0,9%. Kim ngạch xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ sang EU chiếm 43,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của nước này, trong khi con số này của năm 2011 là 47,7%. Ngoài EU, trao đổi thương mại với các đối tác khác cũng được cải thiện, nhất là khu vực Trung Đông và châu Phi<sup>22</sup>.

### 3. Một số nhận xét

Có thể đưa ra một số nhận xét về quá trình phát triển kinh tế của Thổ Nhĩ Kỳ như sau:

*Thứ nhất*, kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ từ khi thành lập nhà nước cho đến nay đã trải qua nhiều bước phát triển thăng trầm. Kể từ những năm 1920 đến những năm 1950, kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ chậm phát triển với nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp trình độ thấp, dịch vụ yếu kém. Từ những năm 1950 và tới những năm 1970, nền kinh tế với hoạt động công nghiệp làm chủ đạo được mở rộng, thương mại bước đầu tăng trưởng, giảm đáng kể khủng hoảng cán cân thanh toán. Song đến cuối những năm 1970, Thổ Nhĩ Kỳ rơi vào khủng hoảng kinh tế, đặt ra bài toán nhất thiết phải cải cách kinh tế, tạo đà cho kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ đi lên. Chính phủ giai đoạn đó, cụ thể là người xây dựng các bước đi cải cách cho kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ là Phó Thủ tướng Turgut Özal, với chiến lược phát triển là tự do hóa nền kinh tế, thay thế nhập khẩu, hướng vào xuất khẩu; kết quả là tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn những năm 1980 dần được hồi phục, từng bước phát triển đi lên, đặc biệt là cuối những năm 1980, đầu những năm 1990 thì tăng trưởng nhanh chóng. Song trong thập kỷ 1990, kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ trải qua một giai đoạn thay đổi chính phủ liên tục với các chính sách điều hành không hiệu quả, dẫn tới một chu trình khủng hoảng phát triển khủng hoảng, đỉnh điểm là cuộc khủng hoảng ngân hàng, kinh tế tụt lặn năm 2001, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm mạnh (GNP giảm 9,5% năm 2001) và thất nghiệp gia tăng rất nhanh. Chính phủ buộc phải thả nổi đồng Lira và đưa ra những chương trình cải cách tham vọng hơn. Chương trình đó đã tạo động lực để từ đó Thổ Nhĩ Kỳ gặt hái được nhiều thành công trong phát triển kinh tế, giờ đây

được đánh giá là một nền kinh tế có tốc độ phát triển nhanh.

*Thứ hai*, các nước lớn và các tổ chức quốc tế có nhiều đánh giá khác nhau về thực trạng kinh tế của Thổ Nhĩ Kỳ nhưng tựu chung lại đều cho rằng đây là một nền kinh tế phát triển. Cục Tình báo Trung ương Mỹ (CIA) đánh giá Thổ Nhĩ Kỳ là một nền kinh tế phát triển, các nhà kinh tế học và chính trị học đánh giá Thổ Nhĩ Kỳ là một nền kinh tế mới công nghiệp hóa, còn theo mô tả của Ngân hàng Thế giới và Tổ chức Merrill Lynch thì nước này là một nền kinh tế thị trường mới nổi. Nếu xét GDP tính theo PPP năm 2010, quy mô nền kinh tế của Thổ Nhĩ Kỳ xếp thứ 16 toàn thế giới và đứng thứ 6 so với các nền kinh tế thuộc EU. Theo khảo sát của Tạp chí Forbes thì tính đến tháng 3 năm 2010, Istanbul - trung tâm kinh tế tài chính của Thổ Nhĩ Kỳ có tổng số 28 tỷ phú (giảm so với con số 35 tỷ phú năm 2008), xếp hạng thứ tư trên thế giới<sup>23</sup>. Năm 2010, có 12 công ty của Thổ Nhĩ Kỳ được nằm trong Forbes Global 2000 - danh sách gồm 2000 công ty ty nhân đứng đầu trên thế giới do tạp chí Forbes bình chọn. Bao gồm các công ty trong lĩnh vực ngân hàng, viễn thông, xây dựng, vận tải hàng không và một số tập đoàn kinh tế lớn.

*Thứ ba*, tuy đã đạt được những bước phát triển kinh tế khá nhanh và ổn định song Thổ Nhĩ Kỳ vẫn sẽ phải đối mặt với một số thách thức trong thời gian tới, đó là: +) Dù đã cơ bản ổn định, nhưng trong một số năm tới nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ có thể phải đối mặt với nhiều yếu tố tiêu cực chẳng hạn suy thoái kinh tế toàn cầu tiếp tục hạn chế xuất khẩu Thổ Nhĩ Kỳ; nguy cơ cao về thâm hụt tài khoản vãng lai; nguy cơ bất ổn trong cân đối tài chính. Bên cạnh đó là một số yếu tố cản trở đầu tư gồm chính sách như thuế cao, bất cập trong bảo hộ sở hữu trí tuệ, các chính sách kinh tế không phù hợp. Ngoài ra, còn

một số thách thức khác đối với các nhà đầu tư nước ngoài đó là: Thổ Nhĩ Kỳ cũng là một trong những địa điểm đầu tư với tỷ lệ giữa lợi nhuận và rủi ro cao nhất thế giới, sự can thiệp của Thổ Nhĩ Kỳ tại Syria, việc khó khăn gia nhập Liên minh Châu Âu và nạn tham nhũng của nước này<sup>24</sup>.) Ngành công nghiệp dệt may trong những năm tới sẽ gặp khó khăn. Ngành công nghiệp này được đánh giá là một trong những ngành đóng vai trò chủ yếu, tạo công ăn việc làm cho hơn một phần ba lực lượng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, thị trường tiêu thụ chủ yếu là các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu. Song hiện nay, Thổ Nhĩ Kỳ đã phải nhường vị trí số một trên thị trường EU cho Trung Quốc với tổng thị phần khoảng 46%, ở một số ngành dệt may còn lên đến khoảng 50%, Thổ Nhĩ Kỳ xếp thứ hai với thị phần 12,6%, tiếp sau đó là Morocco và Tunisia. Bên cạnh đó, ngành công nghiệp này sẽ phải đương đầu với sự cạnh tranh không nhân nhượng trên thị trường quốc tế khi hệ thống quota toàn cầu chấm dứt. Do đó, sẽ ảnh hưởng lớn đến toàn ngành công nghiệp. +) Một số vấn đề về an sinh xã hội. Theo thống kê của Ủy ban Thống kê Thổ Nhĩ Kỳ (TUIK), tỷ lệ thất nghiệp trong tháng 7 năm 2009 của Thổ Nhĩ Kỳ là 12,8%, năm 2010 là 12,4%. Các ngành công nghiệp phụ thuộc lớn vào xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ cũng bị ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng tài chính vừa qua càng đẩy tỷ lệ thất nghiệp lên rất cao. Hơn nữa, mặc dù Thổ Nhĩ Kỳ là một trong số 20 nền kinh tế thịnh vượng nhất thế giới nhưng khoảng cách thu nhập giữa các tầng lớp rất lớn. Số liệu thống kê mới nhất của chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ cho thấy, gần 1/5 người Thổ sống dưới chuẩn nghèo đói, bất chấp kinh tế nước này tăng trưởng bền vững trong thập kỷ qua. Đây là những vấn đề xã hội lớn đặt ra cần giải quyết để giúp Thổ Nhĩ Kỳ có thể phát triển bền vững.

#### 4. Dự báo phát triển kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ

Theo dự báo của OECD, Thổ Nhĩ Kỳ sẽ trở thành nền kinh tế có tốc độ phát triển nhanh nhất trong số các thành viên của OECD, với tốc độ phát triển kinh tế hàng năm giai đoạn 2011-2017 khoảng 6,7%/năm. Nếu giữ tốc độ tăng trưởng như vậy, Thổ Nhĩ Kỳ đang trên đà trở thành nền kinh tế tăng trưởng nhanh số 1 của OECD vào năm 2017<sup>25</sup>

Thổ Nhĩ Kỳ đã đề ra Kế hoạch kinh tế trung hạn giai đoạn 2011 – 2013 nhằm thể hiện tham vọng lớn của chính phủ và đảng cầm quyền AKP, tạo hình ảnh một nước Thổ Nhĩ Kỳ lớn mạnh và có vai trò ngày càng quan trọng trên trường quốc tế. Mục tiêu chung của kế hoạch là tiếp tục duy trì phát triển kinh tế, đẩy nhanh quá trình đàm phán gia nhập Liên minh châu Âu, ổn định tăng trưởng, giảm tỷ lệ thất nghiệp và thâm hụt ngân sách. Theo đó, các chỉ số cụ thể như sau: kinh tế tăng trưởng 5% năm 2012 và 5,5% năm 2013; GDP bình quân đầu người của năm 2012 là 11.405 USD và năm 2013 là 12.157 USD; thâm hụt tài khoản vãng lai năm 2012 là 45,1 tỷ USD và năm 2013 là 47,7 tỷ USD; thâm hụt ngân sách năm 2012 là 22,59 tỷ USD, khoảng 2,4% GDP và năm 2013 là 17,06 tỷ USD, chiếm khoảng 1,6% GDP; chỉ số giá tiêu dùng dự kiến năm 2012 là 5% và năm 2013 là 4,9%; dự kiến các khoản thu từ hoạt động tư nhân hóa năm 2012 là 8,88 tỷ USD, năm 2013 là 7,2 tỷ USD; tỷ lệ thất nghiệp dự kiến năm 2012 là 12,7% và 2013 là 10,3%; kiều hối năm 2012 là 1,3 tỷ USD và năm 2013 là 1,35 tỷ USD. Dự kiến trong 3 năm tới, FDI vào Thổ Nhĩ Kỳ tiếp tục mức tăng 15 – 20%/năm; xuất khẩu năm 2013 là 160 tỷ USD và năm 2023 sẽ đạt mức 500 tỷ USD<sup>26</sup>

Một tham vọng của chính phủ nước này là phấn đấu đưa Thổ Nhĩ Kỳ vào Top 10 nền kinh tế thế giới vào năm 2023, để chào mừng

kỷ niệm 100 năm thành lập nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ (1923 - 2023). Thổ Nhĩ Kỳ hiện là nền kinh tế xếp thứ 16 trên thế giới với tổng GDP năm 2011 là 770 tỷ USD. Với mức tăng GDP bình quân được chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ dự báo là 5%/năm, GDP nước này năm 2023 sẽ đạt 1.300 tỷ USD. Giả định có được mức tăng này, mục tiêu của Ankara vẫn chưa đạt vì lúc đó Canada, nền kinh tế hiện đứng thứ 10 thế giới, đã đạt khoảng 1.730 tỷ USD vào cuối năm 2021. Để đạt mức 2.000 tỷ USD, kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ cần tăng trưởng khoảng 9% mỗi năm trong vòng 11 năm tới. Tham vọng đó có được hiện thực hóa hay không còn phải chờ đợi sự nỗ lực của toàn nền kinh tế cũng như phụ thuộc nhiều vào các yếu tố chính trị, kinh tế, tài chính... trong khu vực và quốc tế, vốn được đánh giá là đang rất bất lợi và khó có khả năng đạt tiến bộ trong thời gian tới.

### Chú thích:

<sup>1</sup> Tổng thống đầu tiên của nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ.

<sup>2</sup> Quốc khánh Thổ Nhĩ Kỳ: Ngày 29 tháng 10 năm 1923

<sup>3</sup> <http://en.wikipedia.org>

<sup>4</sup> Süleyman Demirel - người đảm đương chức vụ thủ tướng trong 3 nhiệm kỳ: năm 1965-1971, năm 1975-1978, năm 1979-1980,

<sup>5</sup> SEEs: State economic enterprises

<sup>6</sup> Nguồn: [www.cia.gov](http://www.cia.gov), IMF World Economic Outlook April 2011, Turkish Statistical Institute (TurkStat)

<sup>7</sup> Sau Đức với số lượng 5.819.614 chiếc, Pháp 3.174.260 chiếc, Tây Ban Nha 2.770.435 chiếc, Anh 1.648.388 chiếc, Nga 1.508.358 chiếc và Ý 1.211.594 chiếc.

<sup>8</sup> TAI - Turkish Aerospace Industries

<sup>9</sup> Đường ống dẫn dầu mới Baku Tbilisi Ceyhan được đưa vào sử dụng ngày 10 tháng 5 năm 2005, được đánh giá là hệ thống đường ống dài thứ 2 trên thế giới, có nhiệm vụ vận chuyển dầu thô từ vịnh Caspien đến cảng Ceyhan của Thổ Nhĩ Kỳ nằm ở bờ Địa Trung Hải, để từ đó được đóng thùng và xuất khẩu đi các nước. Dự án Đường ống Nabucco xuyên Thổ Nhĩ Kỳ khi hoàn thành sẽ có khả năng dẫn gas cung cấp từ biển

Caspien cho các nước thuộc EU. Hệ thống đường ống Blue Stream - xuyên biển Đen được bắt đầu khai thác có nhiệm vụ vận chuyển khí gas từ Nga đến Thổ Nhĩ Kỳ. Hệ thống đường ống Tabriz - Ankara dài 2.577 km nối từ Tabriz ở phía tây bắc Iran đến Ankara của Thổ Nhĩ Kỳ được đưa vào sử dụng từ ngày 26 tháng 7 năm 2001. Hệ thống đường ống Nam Caucasus được đưa vào sử dụng từ 21 tháng 5 năm 2006 kết nối Iran với Thổ Nhĩ Kỳ. Trong tương lai hai hệ thống này sẽ là cơ sở để tiếp tục xây dựng hệ thống đường ống Nabucco nối từ Thổ Nhĩ Kỳ đến Châu Âu.

<sup>10</sup> Europe's Best Airline

<sup>11</sup> Southern Europe's Best Airline

<sup>12</sup> Tiếng Đức: *Touristik Union International*)

<sup>13</sup> Nguồn: IMF World Economic Outlook April 2011, Turkish Statistical Institute (TurkStat)

<sup>14</sup> Organization for Economic Cooperation and Development

<sup>15</sup> Organization for Security and Cooperation in Europe

<sup>16</sup> Organization of the Islamic Conference

<sup>17</sup> World Trade Organization

<sup>18</sup> Black Sea Economic Cooperation

<sup>19</sup> <http://www.baomoi.com/Tho-Nhi-Ky-thanh-nam-cham-hut-tien-moi-o-chau-Au/45/9113900.epi>

<sup>20</sup> Nguồn: [www.cia.gov](http://www.cia.gov), IMF World Economic Outlook April 2011, Turkish Statistical Institute (TurkStat)

<sup>21</sup> <http://www.baomoi.com>

<sup>22</sup> [www.cia.gov](http://www.cia.gov), IMF World Economic Outlook April 2011; Turkish Statistical Institute (TurkStat)

<sup>23</sup> Sau New York City có 60 tỷ phú, Moscow là 50 và London là 32.

<sup>24</sup> <http://gafin.vn>

<sup>25</sup> Nguồn: OECD Economic Outlook No: 86

<sup>26</sup> [www.ttnn.com.vn/NewsAttachment](http://www.ttnn.com.vn/NewsAttachment).

### Tài liệu tham khảo

1. <http://www.cia.gov.us>, "The world factbook", 2010.
2. OECD (Dec. 2009), *OECD Economic Outlook No: 86*.
3. Thayer Watkins, *Economic History of Turkey*, San José State University, Department of Economics, Silicon Valley & Tornado Alley USA,
4. Yannis Katsarakis, Amr Rezk, Emrah Sazak, Haydar Shaydullin, Bahadır Yadikar (2007), *Turkey & The Construction Services Cluster*, Microeconomics of Competitiveness Spring 2007.